

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VTBF)**

(Sửa đổi lần thứ ba)

Hà Nội, Tháng 4 năm 2020



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	7
Chương I.....	13
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	13
<i>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán</i>	<i>14</i>
<i>Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ</i>	<i>14</i>
<i>Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 7. Ngân hàng Giám Sát & lưu ký</i>	<i>14</i>
Chương II	15
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	15
<i>Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 9. Chiến lược đầu tư.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 10. Hạn chế đầu tư</i>	<i>17</i>
<i>Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....</i>	<i>19</i>
Chương III.....	19
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	19
<i>Điều 13. Nhà Đầu Tư</i>	<i>19</i>
<i>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư</i>	<i>20</i>
<i>Điều 15. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh được chấp nhận, Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....</i>	<i>23</i>

Điều 18. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ	25
Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ.....	26
Chương IV	27
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	27
Điều 20. Đại hội Nhà Đầu Tư.....	27
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của đại hội Nhà Đầu Tư	27
Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu Tư	28
Điều 23. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư	30
Điều 24. Phản đối quyết định của đại hội Nhà Đầu Tư.....	31
Chương V	32
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	32
Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ	32
Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	32
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	33
Điều 28. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	34
Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ	35
Điều 30. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	35
Điều 31. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.....	35
Chương VI.....	36
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	36
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ.....	36
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ	37
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ	39
Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	40
Chương VII	41
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	41
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám Sát	41
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám Sát	41

Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám Sát.....	43
Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám Sát.....	46
CHƯƠNG VIII.....	46
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	46
Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền.....	46
Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	46
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	47
Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	49
Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	50
Chương VIII	51
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	51
Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ.....	51
Điều 46. Hoạt động của Đại lý Phân Phối	51
Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ.....	52
Chương IX.....	54
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	54
Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	54
Điều 49. Năm tài chính	54
Điều 50. Chế độ kế toán.....	54
Điều 51. Báo cáo tài chính.....	55
Điều 52. Báo cáo khác	55
Chương X.....	55
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	55
Điều 53. Xác định giá trị tài sản ròng	55
Điều 54. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	56
Điều 55. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	57
Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ.....	58
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	58

Chương XI.....	58
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ.....	58
Điều 58. Lợi nhuận của Quỹ.....	59
Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ và Chi phí hoạt động của Quỹ.....	59
Chương XII.....	61
TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	61
Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....	61
Điều 61. Các điều kiện tách Quỹ.....	61
Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ.....	62
Chương XIII.....	62
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	62
Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát.....	62
Chương XIV.....	63
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	63
Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư.....	63
Điều 65. Thay đổi Điều Lệ.....	63
Điều 66. Đăng ký điều lệ.....	64
Điều 67. Điều khoản thi hành.....	64
Phụ lục số 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	66
Phụ lục số 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	68
Phụ lục số 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	69
Phụ lục số 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	70
Phụ lục số 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ, GIÁ DỊCH VỤ GIÁM SÁT LƯU KÝ VÀ PHÍ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN.....	78

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, ngày 29 tháng 06 năm 2006, và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, ngày 24 tháng 11 năm 2010;

2. Nghị định

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;

Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

3. Thông tư

Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;

Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;

Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc ban hành hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ;

Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15/11/2012;

Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Quản lý Quỹ;

Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn

công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6/10/2015;
Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ tài
chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;
Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài
chính ban hành Quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng
khoán.

5. Các văn bản khác

Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ”

Là Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“VTBF”), một quỹ đầu tư trái phiếu dạng quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và điều lệ Quỹ.

Quỹ trái phiếu

Là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

“Công ty Quản lý Quỹ”

Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010. Công ty Quản lý Quỹ được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Công ty Quản lý Quỹ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

“Ngân hàng Giám Sát”

Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, là Ngân hàng được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, được Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời

	giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện; (iii) thực hiện dịch vụ quản trị quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám Sát được quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán.”	Là Công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở và được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn làm Đại lý phân phối.
“Điều lệ Quỹ”	Là Bản Điều lệ Quỹ bao gồm các phụ lục đính kèm, và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và đăng ký với UBCKNN.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“ Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường theo quy định của Điều lệ này.
“Ban Đại Diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt nam.
“Chủ Tịch”	Có nghĩa là Chủ Tịch của Ban Đại Diện Quỹ
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.

“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ”	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính đến ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”	Là giá phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá phát hành/giá mua lại”	Là giá mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá phát hành/giá mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các giá dịch vụ hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Đại lý chuyển nhượng”	Có nghĩa là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau: a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở; b) Ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ Đăng ký; c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở

	hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;
	d) Tổ chức các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
	e) Cung cấp cho Nhà Đầu Tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động Quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, và các tài liệu khác
“Điểm Nhận Lệnh”	Là trụ sở chính của Đại lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ;
“Đồng Việt Nam”	Có nghĩa là đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV)”	Là tổng tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá được quy định tại Phụ lục 4 của Điều lệ này.
“HNX”	Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
“HSX”	Là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
“Lệnh Bán”	Là lệnh bán của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó
“Lệnh chuyển đổi Quỹ”	Là lệnh chuyển đổi Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh được chấp nhận
“Lệnh Mua”	Là lệnh mua của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ hoặc được xác nhận đã nhận được bởi Ngân hàng Giám Sát;
“Lệnh chuyển nhượng”	Là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh được chấp nhận”	Là từng Lệnh Bán hoặc Lệnh Mua hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ hoặc Lệnh Chuyển Nhượng nhận được trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31

	tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và điều lệ Quỹ. <u>Ngày định giá là Ngày Giao Dịch Chứng Chi Quỹ</u> và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của kỳ báo cáo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ như quy định tại khoản 16.2, Điều 16 của Điều lệ này.
“Ngày làm việc”	Là tất cả các ngày dương lịch, trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định của pháp luật lao động.
“Pháp luật”	Có nghĩa là Pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Sổ chính”	Có nghĩa là Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính do Đại lý chuyên nhượng lập, là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
“Tài khoản của Nhà Đầu Tư”	Là tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu tư và đứng tên Nhà Đầu Tư.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện giao dịch vào Ngày giao dịch và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam
“Chương trình đầu tư định kỳ (ĐTĐK)”	Nhà đầu tư lựa chọn chương trình ĐTĐK có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Đơn vị Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Đơn vị Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, Thời điểm đóng Sổ lệnh, giá giao dịch áp dụng đối với chương trình ĐTĐK sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
“Luật Chứng khoán”	Là Luật số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006, và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Luật

Chứng khoán năm 2006 được ban hành ngày 24/11/2010.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ “của Điều lệ này”, “trong Điều lệ này” và “theo Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **VIETINBANK INVESTMENT BOND FUND**

Tên viết tắt: **VTBF**

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, số 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04-39388855 Fax : 04-39388500

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đến khi Quỹ giải thể theo quy định tại khoản 62.1, Điều 62 của Điều lệ này hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

3.1. Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“ Quỹ VTBF”) là Quỹ đại chúng dạng mở, có nghĩa vụ mua lại Chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư;

3.2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà Đầu Tư;

3.3. Cơ quan thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát là Ban Đại Diện Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được bầu ra theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này và thực thi các công việc theo quy định tại Điều lệ này;

3.4. Đơn vị thực hiện quản lý và điều hành các hoạt động hàng ngày quỹ là Công ty Quản Lý Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định sẽ quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ sau khi Quỹ được thành lập;

3.5. Đơn vị thực hiện việc bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ là Ngân hàng Giám Sát do Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, đề xuất và được Đại hội Nhà

Đầu Tư chấp thuận. Ngân hàng Giám Sát đầu tiên sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, và có thể bị thay đổi bởi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư sau khi Quỹ được thành lập.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- 4.1. Vốn Điều lệ được huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là: 66.000.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành 6.600.000 (Sáu triệu sáu trăm) Đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng Việt Nam)
- 4.2. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám Sát theo chương trình ĐTDK hoặc một lần.
- 4.3. Quỹ không bị giới hạn về giá trị vốn góp tối đa của Nhà Đầu tư hoặc số lượng tối đa Đơn vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
- 4.4. Bất cứ việc thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

Tên Công ty Quản lý Quỹ

Tên Tiếng Việt: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Tên Tiếng Anh: VietinBank Fund Management Company Limited

Tên viết tắt: VietinBank FMC

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 22/07/2016.

Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, số 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.39388855

Fax: 04.39388500

Điều 7. Ngân hàng Giám Sát & lưu ký

Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh

Hà Thành

Tên viết tắt: **BIDV Hà Thành**

Giấy CNĐKHĐ-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/05/2015.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Trụ sở chính: 74 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04.39411846 Fax: 04.39411847

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1 Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách đầu tư ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Quỹ đầu tư chủ yếu vào Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

9.2 Cơ cấu danh mục được phép đầu tư:

Tài sản được lựa chọn để đầu tư chỉ bao gồm:

a. Tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng

theo danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;

b. Ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc được phát hành tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;

c. Các loại Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, Trái phiếu chính quyền địa phương;

d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

e. Cổ phiếu, Trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

f. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng Khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

h. Các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu chính phủ trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

- 9.3 Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản và do Ban Đại Diện Quỹ quyết định trong từng thời kỳ.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế dẫn tới việc đầu tư vào trái phiếu được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ bằng tiền, các khoản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

- 9.4 Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm (e) khoản 9.2 nêu trên phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có cam kết của tổ chức phát hành hoặc có đầy đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký

giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

10.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Đầu tư tối thiểu 80% (tám mươi phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá, và các công cụ có thu nhập cố định ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi;

b) Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; trái phiếu niêm yết; trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo quy định tại Phụ lục số 4 của Điều lệ này.

c) Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của cùng một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;

d) Không được đầu tư quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó (trừ trái phiếu chính phủ).

f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

g) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

i) Không được đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý quỹ quản lý;

j) Không được đầu tư vào Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;

10.2 Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 10.1 điều này nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

10.3 Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như quy định tại khoản 10.1 của Điều lệ này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày phát sinh sai lệch.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch và phải chịu mọi giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ

11.1 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều 9.2 này;

- 11.2 Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các giá dịch vụ và chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
- 11.3 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- 11.4 Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (repo) theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

- 13.1 Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 13.2 Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư tổ chức ký và thông báo đến cho Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch.

- 13.3 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

14.1 Nhà Đầu Tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu Tư;
- e) Chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ phù hợp với quy định tại Điều 16.4 Điều lệ này và Pháp Luật;
- f) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

14.2 Nhà Đầu Tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư/ Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công ty Quản lý Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền để đưa ra các quyết định đó;
- b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

- 15.1 Công ty Quản lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính hoặc Đại lý phân phối lập, quản lý Sổ Phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

15.2 Sổ Chính, Sổ Phụ phải có các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám Sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ;
- b) Thông tin đối với Nhà Đầu Tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc,

địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ của tổ chức đó;

- c) Số Tài khoản của Nhà Đầu Tư; hoặc Số tiểu khoản; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;
 - d) Số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu; ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính.
- 15.3 Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ Chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ Chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- 16.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng;
- 16.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:
Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ một trong các Ngày Giao Dịch.
Ngày Giao Dịch được xác định như sau:
Ngày thứ Tư hàng tuần (tần suất giao dịch 1 lần/1 tuần).
Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của Pháp luật..
Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần một tháng theo quy định của Pháp luật.
- 16.3 Lệnh mua chứng chỉ quỹ:
- a) Nhà Đầu tư phải có tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ trước khi đặt lệnh mua. Việc đăng ký mở tài khoản được thực hiện tại Đại lý phân phối.
 - b) Nhà Đầu Tư điền đầy đủ thông tin vào phiếu đăng ký mua, đồng thời xuất trình chứng từ hợp lệ xác nhận Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền vào Tài khoản của Quỹ, đại lý phân phối tại Ngân hàng Giám Sát trước thời điểm đóng sổ lệnh;
 - c) Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ bởi Nhà Đầu tư.
 - d) Các Lệnh mua của Nhà Đầu Tư phải bảo đảm:

- Đến trước thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày giao dịch là 14h45 ngày T-1, tài khoản của Quỹ đã nhận được đủ số tiền thanh toán mua Chứng Chi Quỹ ghi trên Phiếu Lệnh mua;
- Số tiền trên tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ (giấy chuyển tiền) phải bằng hoặc nhiều hơn giá trị giao dịch đăng ký trên phiếu đặt lệnh mua, phí chuyển khoản do Nhà Đầu tư chịu. Số tiền chênh lệch thanh toán mua Chứng Chi Quỹ nhiều hơn so với số tiền đăng ký giao dịch trên Phiếu đăng ký sẽ được tính vào kỳ giao dịch tiếp theo hoặc hoàn trả lại vào tài khoản thụ hưởng của Nhà Đầu Tư đăng ký trên phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng Chi Quỹ theo yêu cầu của Nhà đầu tư, phí chuyển tiền do Nhà Đầu Tư chịu;
- Tiền mua và lệnh mua Chứng chỉ quỹ được chuyển trực tiếp bởi Nhà Đầu Tư hoặc Bên thứ ba do Nhà Đầu tư ủy quyền hợp lệ;
Trường hợp Lệnh mua của Nhà Đầu tư không đáp ứng các điều kiện nêu trên, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ này sẽ được chuyển trả ngược lại tài khoản chuyển đến, phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này, thời hạn chuyển trả sẽ được quy định tại Bản cáo bạch.
- e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;
- f) Đại lý Phân Phối xác nhận giao dịch với Nhà Đầu Tư trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư mua được;
- g) Phương thức thanh toán
 - Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của mình hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản của Quỹ (mở tại Ngân hàng Giám Sát).
 - Trường hợp Lệnh Mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi.
 - Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là “ĐTĐK”) tại Bản Cáo Bạch. Theo đó, Nhà đầu tư lựa chọn chương trình ĐTĐK có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ.
 - Mọi khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

16.4 Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà Đầu tư thực hiện Lệnh bán Chứng Chi Quỹ phải điền và nộp Phiếu đăng ký bán tại địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh;
- b) Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ hoặc một phần.

- c) Đại Lý Phân Phối chuyển xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư trong vòng 03 (ba) Ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - d) Nhà Đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị thanh toán mua lại sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - e) Lệnh Bán của Nhà Đầu tư phải đáp ứng quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;
- 16.5 Lệnh chuyển đổi nhằm bán Chứng chỉ Quỹ của Quỹ này (Quỹ VTBF) để mua Chứng chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng do Công ty Quản lý Quỹ quản lý được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh bán hợp lệ như quy định tại khoản 16.4 Điều lệ này.
- 16.6 Lệnh phù hợp với quy định tại điều lệ Quỹ này và Bản cáo bạch được Đại lý phân phối nhận cho đến Thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch đó. Tất cả các Lệnh được chấp nhận nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo.
- Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày giao dịch của Chứng chỉ Quỹ. Thời điểm Đóng Sổ lệnh được công bố công khai tại Bản Cáo Bạch. Thời điểm đóng Sổ lệnh cho Ngày giao dịch là 14h45 ngày T-1.
- 16.7 Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ đặt tại Ngân hàng Giám Sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh được chấp nhận, Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- 17.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Được Chấp Nhận trong các trường hợp sau:
- a) Tổng giá trị các Lệnh bán (bao gồm Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng;
 - c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;

- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 17.2 Đối với việc mua lại phần còn lại của Lệnh bán, Lệnh chuyển đổi Quỹ đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 17.1 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.
- 17.3 Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số lượng Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư nhỏ hơn số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng Chứng chỉ Quỹ tương ứng với Đơn vị Quỹ còn lại sẽ được ưu tiên tự động bán hết vào kỳ giao dịch tiếp theo.
- 17.4 Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 17.1 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.5 Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ hoặc tạm dừng giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác theo Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.Kể từ khi xảy ra các sự kiện nêu trên dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải báo với Ban Đại Diện quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, đồng thời công bố các nguyên nhân của việc tạm dừng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ trong thời gian sớm nhất và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay khi các sự kiện quy định tại Điều 17.5 chấm dứt.
- 17.6 Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- 17.7 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 17.6 điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.8 Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.
- 17.9 Ngay sau khi các sự kiện tạm dừng mua chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ sẽ tiếp tục thực hiện việc mua lại theo quy trình.

Điều 18. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ

18.1 Giá phát hành lần đầu:

Giá phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ mở là 10.000 (mười nghìn) đồng.

Giá phát hành các lần tiếp theo bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng giá dịch vụ phát hành.

18.2 Giá bán một Đơn vị Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

18.3 Giá mua lại một Đơn vị Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).

18.4 Giá liên quan đến giao dịch Đơn vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư thanh toán:

Giá dịch vụ phát hành:

Giá phát hành áp dụng cho Lệnh mua do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng mức giá dịch vụ phát hành tối đa là 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu giá dịch vụ phát hành.

Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.5 Giá dịch vụ mua lại:

Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng mức Giá dịch vụ mua lại quy định tối đa là 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Trường hợp Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ nhiều lần, mua theo chương trình ĐTĐK hoặc dưới hình thức tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu giá phát hành, thời gian nắm giữ sẽ được tính theo nguyên tắc các Chứng chỉ Quỹ mua trước sẽ được bán trước, các Chứng chỉ Quỹ mua theo lệnh thường sẽ được ưu tiên

bán trước các Chứng chỉ Quỹ mua theo chương trình ĐTĐK (khi vẫn trong thời hạn của chương trình).

Giá dịch vụ Mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư sau khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.6 Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ:

Giá dịch vụ chuyển đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Chứng chỉ Quỹ và mua một Chứng chỉ Quỹ khác trong cùng Ngày giao dịch được coi như thực hiện một Lệnh bán.

Giá dịch vụ chuyển đổi đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Trong mọi trường hợp giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại đối với Quỹ hiện tại và giá dịch vụ phát hành đối với Quỹ mục tiêu.

Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.7 Giá dịch vụ chuyển nhượng (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.

Giá dịch vụ chuyển nhượng Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

- 19.1 Người thừa kế là cá nhân, Nhà nước, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế được quyền thừa hưởng di sản theo quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế;
- 19.2 Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 19.3 Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc được hưởng di sản thừa kế hợp pháp.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội Nhà Đầu Tư

- 20.1 Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư và tất cả các Nhà Đầu Tư vào thời điểm triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại hội Nhà Đầu Tư sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp ít nhất 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Công ty Quản lý quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu liên quan cho UBCKNN tối thiểu 15 (mười lăm) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 20.2 Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 20.3 Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
- a) Theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
 - c) Ban Đại Diện Quỹ, Ngân hàng Giám Sát hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu triệu tập họp phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công ty Quản lý Quỹ.
- 20.4 Việc tổ chức họp bất thường đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 20.3 Điều này phải được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường đại hội Nhà Đầu Tư.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của đại hội Nhà Đầu Tư

- 21.1 Nhà Đầu Tư đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.
- 21.2 Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà Đầu Tư có quyền quyết định các vấn đề sau:
- a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;

- b) Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát;
 - c) Thông qua việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;
 - d) Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ;
 - e) Giải thể Quỹ;
 - f) Bầu Ban Đại diện Quỹ, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
 - g) Thông qua tổ chức nhận ủy quyền hoạt động của Công ty quản lý Quỹ;
 - h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.
- 21.3 Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát
- Mức giá dịch vụ thanh toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát cho năm đầu tiên sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quyết định và có thể bị thay đổi bởi Đại hội Nhà Đầu Tư sau đó. Các lần thay đổi mức phí tiếp theo, Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu Tư

- 22.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được gửi thông báo công khai và bằng văn bản cho Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thời hạn như quy định tại khoản 20.1, Điều 20 Điều lệ này trước khi tiến hành đại hội.
- 22.2 Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp/thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội Nhà Đầu Tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức khác, phù hợp với phương thức tiến hành họp của Đại hội Nhà Đầu Tư. Việc ủy quyền cho người khác tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư phải nộp văn bản ủy quyền cho Ban Tổ chức trước khi họp, Ban Tổ Chức có quyền yêu cầu Người được ủy quyền không được tham dự cuộc họp nếu Giấy ủy quyền không hợp lệ, khi đó, Nhà Đầu Tư ủy quyền sẽ mất quyền biểu quyết đối với nội dung tại Đại hội đó.
- 22.3 Cuộc họp đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.

- 22.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 22.3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
- 22.5 Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại mục b, c khoản 21.2, Điều 21 của Điều lệ này.
- Đại hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
- 22.6 Tất cả các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 22.7 Trường hợp họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thư điện tử, Công ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
- a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - b) Phát hành phiếu hỏi ý kiến với các nội dung sau:
 - (i) Tên Quỹ;
 - (ii) Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (v) Thời hạn cuối cùng nhận ý kiến trả lời;
 - (vi) Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí”, “ý kiến khác”
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ và Đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ;
 - c) Gửi phiếu hỏi ý kiến và các tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư tối thiểu 10 (mười) ngày và UBCKNN tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn cuối cùng nhận ý kiến trả lời, tài liệu gửi kèm bao gồm:

(i) Dự thảo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư;

(ii) Các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết

Hồ sơ gửi lấy ý kiến bằng văn bản phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu tư; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

- d) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết
- e) Lập ban kiểm phiếu, trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám Sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị Quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến.

Điều 23. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư

- 23.1 Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết và tương ứng với 01 (một) phiếu biểu quyết. Ngân hàng Giám Sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
- 23.2 Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) hoặc bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định của pháp luật.
- 23.3 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 23.4 Điều này, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
- 23.4 Đối với các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 21.2, Điều 21 Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
- 23.5 Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư tổ chức theo quy định tại khoản 20.3, Điều 20 Điều lệ này, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 23.3 Điều này. Đối với các nội dung quy định tại điểm b và c khoản 21.2 Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 23.4 Điều này.

- 23.6 Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.
- 23.7 Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến của Nhà Đầu tư bằng văn bản.
- 23.8 Trong vòng bảy (07) ngày, sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến dưới hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại khoản 22.7 Điều 22 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định Pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 24. Phản đối quyết định của đại hội Nhà Đầu Tư

- 24.1 Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về các nội dung tại điểm b, c Điều 21.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác của Công ty Quản lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ có cùng chính sách đầu tư do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản hoặc xin ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được công bố.
- 24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 24.1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

- 25.1 Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện Quỹ là thành viên độc lập.
- 25.2 Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản.
- 25.3 Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:
- Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 26.1 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định về pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan khác;
- Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc Ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
- 26.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 03 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
- 26.3 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 26.1 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chọn lựa thành viên thay thế tạm thời để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

cho đến khi Đại hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Trường hợp thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của Ban Đại Diện Quỹ.

- 26.4 Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

- 27.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
- 27.2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các Tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư quy định tại mục a, b, c khoản 9.2, Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch. Các quyết định này được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.
- 27.3 Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 27.4 Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề sau đây:
- Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Ngân hàng Giám sát;
 - Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - Bầu Ban Đại diện Quỹ, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp nhận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - Thông qua tổ chức nhận ủy quyền hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.
- 27.5 Kiến nghị những thay đổi đối với chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt;

- 27.6. Phê duyệt các giao dịch của Quỹ với Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định tại Điều 35 của Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành;
- 27.7. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- 27.8. Gửi UBCKNN và Ngân hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e Điều 21.2 thực hiện theo quy định tại điều 21.3 được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền.
- 27.9. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e Điều 21.2 theo thủ tục quy định tại khoản 27.4 Điều này, Ban Đại Diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư theo phương thức quy định tại điều lệ Quỹ
- 27.10. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

- 28.1. Đại hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 28.2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - c) Chủ trì cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

Điều 29. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường

hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.

Điều 30. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn một trong những trường hợp sau:

- a) Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b) Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật của Quỹ và/hoặc Bên thứ ba có thỏa thuận bảo mật với Quỹ;
- d) Không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 02 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- e) Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 26.1 của Điều lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
- f) Bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- g) Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 31. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

- 31.1 Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;
- 31.2 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả thành viên Ban đại diện không trực tiếp dự họp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử;
- 31.3 Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo thể thức quy định tại khoản 31.4 dưới đây. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản;
- 31.4 Trường hợp Ban đại diện Quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Ban Đại diện Quỹ định kỳ hoặc quyết định khẩn cấp một vấn đề thuộc thẩm quyền của

Ban Đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Ban đại diện Quỹ bằng văn bản, theo các thủ tục sau:

- a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - b) Phát hành phiếu hỏi ý kiến với các nội dung sau:
 - (i) Tên Quỹ;
 - (ii) Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - (iii) Thời hạn cuối cùng nhận ý kiến trả lời;
 - (iv) Các tiêu chí lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí” và “không nhất trí”.
 - c) Gửi phiếu hỏi ý kiến và các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ.
 - d) Cùng thư ký thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về kết quả kiểm phiếu;
 - e) Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn mà các thành viên Ban đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời.
- 31.5 Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được 51% (năm mươi một phần trăm) trở lên số thành viên dự họp và 51% (năm mươi một phần trăm) trở lên số thành viên độc lập thông qua;
- 31.6 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 32.1 Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- 32.2 Độc lập với Ngân hàng Giám Sát;
- 32.3 Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để Quản lý Quỹ mở;
- 32.4 Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.3 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

33.1 Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

Tuân thủ Điều lệ này và bảo vệ quyền lợi của các Nhà Đầu Tư;

Phải bố trí tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý Quỹ. Người điều hành Quỹ phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà Đầu Tư;

Ký Hợp đồng lưu ký với Ngân hàng Giám Sát và các Đại lý phân phối, Đại lý chuyển nhượng;

Tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu Tư;

Bảo toàn và quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với các Quỹ khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về tổ chức, nhân sự, và hoạt động giữa hoạt động quản lý Quỹ cho Quỹ với các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán khác của Công ty Quản lý Quỹ;

Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến các giao dịch đó cho Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN (nếu có quy định) và thông báo trực tiếp cho các Nhà Đầu Tư về các thông tin đó;

Đảm bảo việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;

Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;

Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ này;

Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản ròng theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và

pháp luật hiện hành;

Trong trường hợp Ngân hàng Giám Sát phát hiện bất kỳ giao dịch nào không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ và đã thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc/bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tình trạng tài sản của Quỹ như trước khi có giao dịch. Việc phục hồi tình trạng của Quỹ phải được thực hiện trong vòng ba (03) tháng kể từ khi phát sinh giao dịch không phù hợp. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ chịu, không được tính vào chi phí quản lý Quỹ;

Tự mình hoặc ủy quyền cho tổ chức dịch vụ khác lập và lưu giữ sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư góp vốn và mọi thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ;

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;

Lưu trữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác và kịp thời mọi lệnh đặt giao dịch hàng ngày của Quỹ theo quy định của pháp luật;

Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại Diện Quỹ, các Nhà Đầu Tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

Chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất của Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ gây ra do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định; và

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại các Phụ lục của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

33.2 Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

Được hưởng các khoản giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;

Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu Tư;

Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư

bầu chọn;

Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và Pháp luật.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

- 34.1 Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a. Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
 - b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác dẫn đến bị chấm dứt hoạt động;
 - d. Quỹ bị chấm dứt hoạt động do bị hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể.
- 34.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
- 34.3 Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 34.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ hoàn tất việc bàn giao công việc quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm. Việc bàn giao công việc quản lý giữa hai Công ty Quản lý Quỹ phải được lập thành văn bản và có xác nhận của Ban Đại Diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu các nghĩa vụ chưa thực hiện (nếu có) đối với Quỹ.
- 34.4 Việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm chỉ được tiến hành sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư Nhà Đầu Tư lựa chọn và thông qua. Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- 35.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, Chủ tịch, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được đồng thời làm việc cho

Ngân hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và ngược lại.

- 35.2 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để (i) đầu tư vào chính Quỹ đó và các Quỹ đầu tư chứng khoán khác kể cả công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ đầu tư bất động sản do mình quản lý; (ii) đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; (iii) đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
- 35.3 Trừ trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện gia dịch, Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào Quỹ.
- 35.4 Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì Chủ tịch, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc/Phó Tổng giám đốc, người hành nghề quản lý Quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ ngoại trừ các khoản phí quy định tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.
- 35.5 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
- 35.6 Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được giao dịch chứng chỉ quỹ mở; giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
- 35.7 Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám Sát

Ngân hàng Giám Sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

- 36.1. Ngân hàng Giám Sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán;
- 36.2. Không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ.
- 36.3. Đáp ứng đầy đủ điều kiện về nhân sự, năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám Sát

37.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám Sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng Quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám Sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ.
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

- k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- l) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của điều lệ;
- m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

37.2 Quyền của Ngân hàng Giám Sát:

- a) Được rà soát quy trình nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
- b) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan;
- c) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ;
- d) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí;
- e) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết;
- f) Được quyền nhận phí cung cấp dịch vụ lưu ký giám sát phù hợp với Hợp đồng Giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp luật.

37.3 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân hàng Giám Sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát.

Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám Sát

- 38.1 Phạm vi giám sát chi hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám Sát phải:
- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- 38.2 Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác trong danh sách tổ chức tín dụng được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, và Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, chuyển tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.
- 38.3 Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng Giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ đã lưu ký tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện quyền của

mình, Công ty Quản lý Quỹ đồng ý, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác nơi chứng khoán, tiền mặt dưới tên Quỹ được đăng ký/lưu giữ gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng Giám sát. Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

- 38.4 Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (*bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện hoặc Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ*), ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm về kết quả của việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này:
- a) Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - b) Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (*hoặc Ban Đại diện hoặc Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ*) hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - c) Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi: (i) Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.
 - d) ((a), (b) và (c) gọi chung là “*Những định giá bị ảnh hưởng*”)
- 38.5 Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị Ảnh hưởng;
- 38.6 Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát) mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những định giá bị ảnh hưởng.

- 38.7 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức, và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ do Bộ Tài chính Ban hành, Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới co cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của Pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.
- 38.8 Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám Sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 38.9 Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- 38.10 Ngân hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
- 38.11 Ngân hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 38.4 Điều này. Ngân hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
- 38.12 Ngân hàng Giám Sát được cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ quản trị quỹ tại Ngân hàng Giám Sát phải tách biệt về tổ chức, nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của nhà đầu tư với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát cung cấp dịch vụ quản trị quỹ theo quy định tại điểm a khoản 27 Điều 2 Thông tư 183/2011/TT-BTC, bộ phận cung cấp dịch vụ phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants).

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám Sát

39.1 Ngân hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám sát & lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
- b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát;
- c) Quỹ chấm dứt hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d) Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

39.2 Trong các trường hợp quy định tại khoản 39.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám Sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản về việc thay đổi Ngân hàng Giám Sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định. Ngân hàng Giám Sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho Ngân hàng thay thế.

39.3 Trường hợp Ngân hàng Giám Sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, Ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại Ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ đầu tư và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

41.1 Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại lý chuyển nhượng và tổ chức quản trị Quỹ.

41.2 Tổ chức được lựa chọn làm Đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại lý phân phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần

mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với Pháp luật và chuẩn mực quốc tế.

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ đầu tư và Đại lý chuyển nhượng phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp luật.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

42.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

42.2 Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với dịch vụ quản trị Quỹ đầu tư:

- Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
- Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
- Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn vị Quỹ dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý quỹ;

b) Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
- Giữ các sổ đăng ký điện tử của các Nhà Đầu Tư của Quỹ (gọi là “ Sổ Đăng ký” phù hợp với các tài liệu Quỹ;
- Ghi nhận:
 - ✓ Tên và địa chỉ của mỗi người sở hữu các Đơn vị Quỹ
 - ✓ Số lượng Đơn vị Quỹ mỗi Nhà Đầu Tư của Quỹ sở hữu và lượng tiền trả cho các Đơn vị Quỹ này;
 - ✓ Ngày nhập tên của mỗi Nhà Đầu Tư cho các Đơn vị Quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư đó;
 - ✓ Ngày đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người nhận chuyển nhượng;
 - ✓ Các chi tiết khác như được quy định trong tài liệu Quỹ.

- Xử lý các yêu cầu về giao dịch (đăng ký mua, đăng ký bán, đăng ký chuyển đổi, và chuyển nhượng) đối với các Đơn vị Quỹ, và các yêu cầu khác (như thay đổi về dữ liệu thông tin Nhà Đầu Tư) của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối tương ứng và nhập vào Sổ Đăng ký tất cả các yếu tố đó;
 - Phân bổ và hủy bỏ Đơn vị Quỹ phù hợp với các điều khoản trong Tài liệu Quỹ, và trong các trường hợp chỉ phát hành Đơn vị Quỹ sau khi Ngân hàng Giám Sát đã nhận tất cả tiền thanh toán liên quan đến việc đăng ký mua Đơn vị Quỹ;
 - Chuẩn bị Sổ Đăng ký điện tử sẵn sàng cho việc kiểm tra tại trụ sở của Đại lý chuyển nhượng ở Việt Nam phù hợp với Tài liệu Quỹ và theo yêu cầu tại từng thời điểm của Luật áp dụng hoặc bộ luật và điều lệ của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền mà Quỹ chịu sự quản lý;
 - Tại bất kỳ thời điểm nào trong giờ làm việc cho phép Công ty Quản lý Quỹ và bất cứ Đại lý phân phối nào bằng chi phí của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) kiểm toán hoặc kiểm tra Sổ Đăng ký và bất kỳ tài liệu và sổ sách nào khác được lưu giữ bởi Đại lý chuyển nhượng; và chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu và sổ sách đó để Quỹ hoặc các Đại lý hoặc đại diện của Quỹ trong giờ làm việc khi được yêu cầu cung cấp, và tương tự, cung cấp các thông tin, giải thích và hỗ trợ một cách hợp lý theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý hoặc đại diện của Công ty Quản lý Quỹ;
 - Mở và quản lý tài khoản của Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn vị Quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối tương ứng;
 - Sắp xếp thanh toán cổ tức cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - Sắp xếp để trả lại các khoản đăng ký mua vượt quá cho Nhà Đầu Tư sau mỗi đợt phân phối theo Chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối tương ứng;
 - Sắp xếp thanh toán thanh lý Quỹ cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối tương ứng với sự chấp thuận của Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện của Quỹ (hoặc cơ quan điều hành khác của Quỹ) và từ các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần).
 - Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ, duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác.
 - Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ; bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- 42.3 Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu
- Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận

- ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.
- 42.4 Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
- 42.5 Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

- 43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ
- 43.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
- 43.3 Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
- 43.4 Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
- 43.5 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- 43.6 Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- 43.7 Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
- 43.8 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

- 43.9 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
- 43.10 Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ);
 - d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

- 44.1 Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - e) Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - g) Quỹ bị giải thể;
 - h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 44.2 Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp luật và Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương VIII

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ

45.1. Tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn làm Đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là Công ty Chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, Ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, Ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN;
- b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp luật;
- c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.
- d) Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
- Đồng thời làm Đại lý phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý phân phối.

45.2. Công ty quản lý Quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý, trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm:

- a) Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính của công ty và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của công ty. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán.
- b) Các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ

Điều 46. Hoạt động của Đại lý Phân Phối

46.1 Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

- 46.2 Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tiếp qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;
- 46.3 Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp luật và Điều lệ này;
- 46.4 Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, Công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
- 46.5 Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- 46.6 Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

- 47.1 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên

phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

- 47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản cáo bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 47.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 47.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các Quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
- 47.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 47.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí và giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.
- 47.7 Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp luật hoặc

chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

- 47.8 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương IX

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán cho Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề cử Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập Quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập Quỹ cho đến hết ngày 31/12 cùng năm ngắn hơn 90 (chín mươi) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCK NN cấp Giấy chứng nhận lập Quỹ cho đến hết ngày 31/12 của năm tiếp theo

Điều 50. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 51. Báo cáo tài chính

- 51.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính (tháng, quý, bán niên, và thường niên) cho Quỹ. Phù hợp với quy định của Điều 40 của Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện Công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công ty Quản lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại Diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
- 51.2 Báo cáo tài chính trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Ban Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ và Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ thay mặt cho Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Các báo cáo của Công ty kiểm toán và của Ban Đại Diện Quỹ, nếu có, sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà Đầu Tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.
- 51.3 Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 52. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất và Công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương X

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác định giá trị tài sản ròng

- 53.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- 53.2 Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám Sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

- 53.3 Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 53.4 Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- 53.5 Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám Sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
- 53.6. Giá trị TSR được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị TSR của Quỹ được hạch toán vào Quỹ
- 53.7. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày giá trị TSR của Quỹ giảm 50 % (năm mươi phần trăm) so với mức vốn huy động ban đầu Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10 (mười) tỷ đồng trong 06 (sáu) tháng liên tục, Công ty Quản lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định.

Điều 54. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- 54.1 Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Việc xác định Giá trị Tài sản ròng do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và phải được Ngân hàng giám sát xác nhận hoặc Công ty Quản lý quỹ được phép ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và Phụ lục số 04 của Điều lệ này (Phương pháp xác định NAV của Quỹ)
- 54.2 Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.
- 54.3. Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá
- 56.4. Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư và cho quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động

của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư chấp nhận, chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điểm a Khoản 56.2, Điểm a Khoản 56.3 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

Điều 55. Quy trình định giá tài sản Quỹ

- 55.1 Giá trị tài sản ròng phải được tính toán bằng các nguyên tắc định giá hợp lý và phù hợp với qui định của UBCKNN.
- 55.2 Trước Ngày định giá
- Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:
- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
 - Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
 - Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/ mua lại Chứng chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
 - Hàng tuần đối chiếu số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
 - Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
 - Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí Ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí Đại lý chuyển nhượng, chi phí quản trị Quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá;
 - Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty Chứng Khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày định giá;
 - Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.
- 55.3 Tại ngày sau Ngày định giá
- Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn vị Quỹ;
 - Công ty Quản lý Quỹ công bố NAV trên một Đơn vị Quỹ
- 55.4 Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ:
- Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.
- 55.5 Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ:
- Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.

Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

- 56.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn khi đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên
- 56.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;
- 56.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
- 56.4 Mọi chi phí đền bù cho Nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư chấp nhận, chi phí đền bù cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 56.2, Điểm a Khoản 56.3 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát.

Chương XI

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 58. Lợi nhuận của Quỹ

- 58.1 Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được phê duyệt của Đại Hội Nhà Đầu Tư và mức lợi nhuận do Ban đại diện Quỹ quyết định và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 58.2. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu Tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn vị Quỹ hoặc có văn bản gửi Công ty Quản lý Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.
- 58.3 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ Quỹ, bản cáo bạch.
- 58.4 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.
- 58.5 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
- a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia.

Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ và Chi phí hoạt động của Quỹ

- 59.1 Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng/năm và được trả sau hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư



quyết định.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = (x\% * NAV \text{ tại ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 360$$

Trong đó: $x\%$: Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý áp dụng cho một năm trả cho Công ty Quản lý Quỹ và được quy định chi tiết tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.

NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

- 59.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Giám Sát.

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Giám Sát được tính trên Giá trị Tài sản lưu ký của Quỹ và tối đa không quá 0,15% giá trị tài sản ròng/năm và được trả cho Ngân Hàng Giám Sát theo thời hạn và phương thức quy định cụ thể tại Hợp đồng Giám Sát, Hợp đồng quản trị quỹ để thực hiện các dịch vụ giám sát, lưu ký & dịch vụ quản trị cho Quỹ.

Giá dịch vụ giám sát & lưu ký phải trả được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ giám sát \& lưu ký} = (y\% * NAV \text{ tại ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 360$$

Trong đó: $y\%$: Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát & lưu ký áp dụng cho một năm trả cho Ngân hàng Giám Sát và được quy định chi tiết tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.

NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

$$\text{Giá dịch vụ quản trị Quỹ} = (z\% * NAV \text{ tại ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 360$$

Trong đó: $z\%$: Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị Quỹ áp dụng cho một năm trả cho Ngân hàng Giám Sát và được quy định chi tiết tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.

NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

- 59.3 Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
- 59.4 Tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa bằng 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thực hiện dịch vụ.
- 59.5 Giá dịch vụ kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán:
- Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.
- 59.6 Giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ:
- Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại

Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

59.7 Các chi phí khác:

Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ; Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và các chi phí khác được Pháp luật cho phép.

59.8 Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ: bao gồm các chi phí phải trả cho Công ty Chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

Chương XII

TÀI CƠ CẤU QUỸ

Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

60.1 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.

60.2 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện tách Quỹ

61.1 Việc tách Quỹ phải được đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:

a) Công ty Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Theo quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

61.2 Việc tách Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.



Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ

62.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

Ngân hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;

Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (6) tháng;

Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

62.2 Việc thanh lý giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

Chương XIII

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát.

63.1 Công ty Quản lý Quỹ phải:

Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;

Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

- 63.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- 63.3 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.
- 63.4 Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ của Ngân hàng giám sát không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua bán tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ được là đối tác mua bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Chương XIV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

64.1 Công bố thông tin:

Việc công bố và cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo yêu cầu của UBCKNN, quy trình công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

64.2 Thông báo cho Nhà Đầu Tư:

Mọi thông báo hoặc tài liệu được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty Quản lý Quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp cần thiết, Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi trực tiếp, fax, qua đường bưu điện đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ khi thay đổi địa chỉ đăng ký của mình.

Mọi thông báo hoặc tài liệu gửi cho Quỹ sẽ được gửi bằng cách giao trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ văn phòng mà Quỹ đã đăng ký.

Điều 65. Thay đổi Điều Lệ

65.1 Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này

không còn phù hợp, Đại hội nhà đầu tư Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó phù hợp với pháp luật có liên quan. Các nội dung sửa đổi, bổ sung có thể được lập thành Phụ lục của Điều lệ này hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

- 65.2 Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 66. Đăng ký điều lệ

- 66.1 Điều lệ này gồm [14] Chương và [67] Điều và [05] Phụ lục được lập ngày tháng năm 2017. Điều lệ Quỹ hoặc các sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ phải được đăng ký với UBCKNN và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp nhận, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.
- 66.2 Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
- 66.3 Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại Diện Quỹ.
- 66.4 Điều lệ này được lập thành 08 (tám) bản có giá trị ngang nhau:
04 (bốn) bản được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định;
03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám Sát.

Điều 67. Điều khoản thi hành

- Quỹ được chính thức thành lập sau khi được UBCKNN thông báo bằng văn bản xác nhận việc lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm phối hợp với các Nhà Đầu Tư góp vốn của Quỹ để hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục số 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Phụ lục số 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ, GIÁ DỊCH VỤ GIÁM SÁT LƯU KÝ VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

Phụ lục số 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ, được lập ngày tháng năm 2017)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương VN, một Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 22/07/2016 của UBCKNN cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ: Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.

Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.

Trả cho Ngân hàng Giám Sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám Sát các thông tin sau:

Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;

Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ;

Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác .

Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.

Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát không thống nhất.

Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.


CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK
Nguyễn Thị Lan
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan

Phụ lục số 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ, được lập ngày.....tháng.....năm)

Ngân hàng lưu ký: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.
Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006.

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.
Ngân hàng lưu ký cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.

Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.

Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám Sát đối với Quỹ.

Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát.

Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám Sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám Sát.

Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.

Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Thành



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Cúc

Phụ lục số 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương VN Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 22/07/2016 của UBCKNN.

Ngân hàng Giám Sát:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006.

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.

Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.

Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.

Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan 68 ---

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thu Cúc

Phụ lục số 4:

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

A Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân mua và bán tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại ngày trước Ngày định giá
3	Tiền gửi không kỳ hạn	Số dư tiền tại ngày trước Ngày định giá
4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
5	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết: + Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. + Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: • Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; • Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.

		- Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; + Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: • Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc • Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận <u>Ghi chú:</u> (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã

		thực hiện trong ngày đó
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận <u>Ghi chú:</u> (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó
Chứng khoán phái sinh		
8	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
9	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá được xác định là giá thanh toán cuối ngày được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) xác định theo giá lý thuyết.
Cổ phiếu		
10	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà	Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn

	<i>Nội, và Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom:</i>	<i>hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</i> <i>+ Giá mua;</i> <i>+ Giá trị sổ sách;</i> <i>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận</i>
11	<i>Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch</i>	<i>Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá</i> <i>Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</i> <i>+ Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ hai tổ chức báo giá cung cấp);</i> <i>+ Nếu không có đủ hai báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày định giá;</i> <i>+ Giá mua;</i> <i>+ Giá theo phương pháp giá trị sổ sách.</i>
12	<i>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:</i>	<i>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</i> <i>+ Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá;</i> <i>+ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá;</i> <i>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</i>

13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:	Là một trong các mức giá sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
14	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
15	Quyền mua cổ phiếu:	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$ Giá cổ phiếu được xác định như các tiêu chí của mục 10, 11, 12, 13, 14 ở trên
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá;
- Công ty Quản lý Quỹ có thể tự định giá hoặc thuê một tổ chức định giá độc lập khác.
- Các quyền phát sinh từ tài sản thuộc danh mục của quỹ được ghi nhận tại ngày giao dịch không hưởng quyền;

- **Giới hạn chênh lệch:** Áp dụng cho Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương: Giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng giảm từ 0,5% trở lên so với kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất

Áp dụng cho Trái phiếu doanh nghiệp: Giới hạn chênh lệch được hiểu là biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. **Giá trị cam kết (global exposure)** là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán,	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

	<i>bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)</i>	<i>giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta</i>
2	<i>Hợp đồng tương lai chỉ số</i>	<i>Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại</i>
3	<i>Hợp đồng tương lai trái phiếu</i>	<i>Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao</i>
4	<i>Các hợp đồng khác</i>	<i>Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát & lưu ký và được ban đại diện quỹ chấp thuận</i>
5	<i>Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)</i>	<i>Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng x khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta</i>

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị.

Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ: giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Tại ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo các nguyên tắc nêu trên.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ:

$$NAV = \text{Tổng tài sản có của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ Quỹ:

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó: V : giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ Quỹ.

N : tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

NAV : tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ

Phụ lục số 5

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ, GIÁ DỊCH VỤ GIÁM SÁT LƯU KÝ VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN.

I. Giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% (không phẩy năm phần trăm) một năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng/ năm và được trả sau hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý hàng tháng được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = (0,5\% * NAV \text{ tại ngày định giá} * \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 360$$

II. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký & dịch vụ quản trị Quỹ cho Ngân hàng Giám sát

STT	Loại giá dịch vụ	Biểu giá dịch vụ	Min/Max	Ghi chú
A.I	Giá dịch vụ lưu ký giám sát			
A.1.1	Giá dịch vụ Lưu ký	0,06%/NAV/Năm	Min: 15.000.000 đồng/tháng	
A.1.2	Giá dịch vụ Giám sát	0,02%/NAV	Min: 5.000.000 đồng/tháng	VAT 10%
A.II	Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ			
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Min 100.000 đồng/ngày GD	
A.2.2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Max 10.000.000 đồng/ngày GD	
A.III	Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Phí của bên thứ 3)			



A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng		Giá dịch vụ lưu ký và phí chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ, Khi BTC thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục phí này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/CK/1 lần chuyển khoản/1 mã	Max 500.000 đồng/lần/mã CK	
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		
A.IV	Giá dịch vụ Quản trị quỹ	0,03%/NAV/Năm	Min: 15.000.000 đồng/tháng	

III. Chi phí và thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ

Thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ: do Đại hội Nhà đầu tư quyết định trong cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hàng năm, nhưng không vượt quá 1%/NAV/năm.

IV. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng:	Miễn phí
	- Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi:	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/ccq mà Vietinbank Capital công bố tại ngày giao dịch liền trước)

